TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐĂK LĂK
Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13/8/2021 "V*/v: tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR , TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ toạ phiên toà: Ông Y Lợi Niê

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà Cao Thị Hồng Châu - Cán bộ hưu trí

2/ Bà Hà Thị Hương - Cán bộ hưu trí

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST–HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2021, về việc: "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-ST ngày 06/7/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021//QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ch L, xã L S, huyện Kh V, tỉnh Kh H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Hoài B, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn EP, huyện CM, tỉnh ĐL

NỘI DUNG VỤ ÁN;

***Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Nguyễn Ngọc Hoài B đến với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/11/2015 tại UBND thị trấn EP, huyện CM, tỉnh ĐL Quá trình chung sống chúng tôi đã có với nhau 01 con chung,

là cháu Nguyễn Ngọc Tùng L, sinh ngày 17/4/2016, hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sinh sống cùng ông bà nội tại thôn 4, thị trấn EP.

Về tình cảm vợ chồng, lúc đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm và lối sống, chồng cờ bạc, nợ nần, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cải nhau. Đỉnh điểm vào năm 2018 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc hai bên quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn, vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Hoài B.

Về con chung: Kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung là do ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng và vì hoàn cảnh, điều kiện hiện nay của chị T còn khó khăn nên chị có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Ngọc Tùng L cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí LHST: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Hoài B:**

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án niêm yết giấy báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Ngọc Hoài B theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh B cố tình lẩn tránh, không đến tòa làm việc nên không ghi nhận được lời khai cũng như ý kiến của anh B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Về cơ bản đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng; Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Mặc dù được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Nguyễn Ngọc Hoài B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, giữa chị T và anh B nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà các bên không có biện pháp hòa giải hay ý thức khắc phục. Theo lời trình bày của chị T cũng như kết quả xác minh tại địa phương, chị T và anh B đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là chính đáng nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Nguyễn Ngọc Hoài B có 01 con chung, là cháu Nguyễn Ngọc Tùng L, sinh ngày 17/4/2016, hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sinh sống cùng ông bà nội tại thôn 4, thị trấn EP.

Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng và vì hoàn cảnh, điều kiện hiện nay của chị T còn khó khăn nên chị có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Ngọc Tùng L cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. HĐXX thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng nên cần tiếp tục giao hai cho cháu cho anh Nguyễn Ngọc Hoài B nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa yêu cầu nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Hoài B.

- *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Ngọc Hoài B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Tùng L, sinh ngày 17/4/2016 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đương sự yêu cầu.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo AA/2019/ 0019907 ngày 17/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh ĐL

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND TT EP;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã EaNa, H. Krông Ana;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA